

Bản án số: 81/2020/DS-PT

Ngày 14 - 7 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐ-PT ngày 04/6/2020; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 511/TB-TA ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn x, xã LB, huyện Ph R, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm y, xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020).

- Bị đơn: Ông Trương Tiên V, sinh năm: 1943.

Bà Lưu Thị M, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn x, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Thôn ĐS, xã NG, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phạm Thành L, sinh năm: 1993.

2/ Anh Phạm Thành L1, sinh năm: 1999.

3/ Chị Phạm Thị Thu Th, sinh năm: 2001.

Cùng trú tại: Thôn x, xã LB, huyện Ph R, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, anh L, chị Th: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm y, xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020).

- Người làm chứng:

1/ Ông Trương Vĩnh V, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn x, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn y, xã LB, huyện Ph R, tỉnh Bình Phước.

3/ Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn z, xã LB, huyện Ph R, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: Bà Trương Thị L – Nguyên đơn.

(Bà L, ông L, ông V, bà M, ông Q, bà H có mặt; ông V, bà Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2014 và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị L thì:

Ngày 02/8/2013, âm lịch tức là ngày 06/9/2013 dương lịch vợ chồng ông V, bà M là chủ thím ruột của bà L có đến nhà vợ chồng bà L, ông C ở huyện Ph R, tỉnh Bình Phước hỏi vay tiền. Do không có tiền nên ông C (chồng bà L, thời điểm này bà L đang ở ngoài Bắc) đã hỏi mượn của bà Lê Thị Ph 08 tấn cà phê nhân đem bán cho bà Nguyễn Thị H; tại đây bà H tính giá 40.000đ/kg, thành tiền là 320.000.000đ và trực tiếp đưa số tiền này cho vợ chồng ông V, bà M. Tiếp đó, ngày 05/9/2013 tức là ngày 09/10/2013 dương lịch vợ chồng ông V, bà M đến nhà hỏi mượn thêm 150.000.000đ. Vì là chú cháu ruột nên cả hai lần cho vay tiền đều không lập giấy tờ gì với nhau nhưng vợ chồng ông V, bà M hứa trả toàn bộ số tiền

vay vào tháng 12/2013. Quá thời hạn trên cho đến nay ông V, bà M không trả số tiền trên cho vợ chồng bà L, ông C.

Bà L cho rằng toàn bộ số tiền cho ông V, bà M mượn là tài sản chung của vợ chồng. Do ông C đã chết ngày 18/5/2018 nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà M trả cho bà số tiền nợ gốc của 02 lần mượn là 470.000.000đ, lãi phát sinh 0,9%/tháng tính từ ngày 06/9/2013 cho đến ngày 23/3/2020 (Làm tròn là 6,5 năm) là $470.000.000đ \times 0.9\% \times 78 \text{ tháng} = 329.940.000đ$

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp gồm bản gốc giấy cam kết của bà Nguyễn Thị H ghi ngày 02/8/2013, bản photocopy giấy cam kết của bà Lê Thị Ph ghi ngày 02/8/2013, trình bày của bà H, bà Ph và ông V.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M thì:

Vợ chồng ông V, bà M không vay mượn bất kỳ khoản nợ nào của vợ chồng ông C, bà L; toàn bộ trình bày về các lần vay mượn của bà L là không đúng sự thật nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà L.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thành L, anh Phạm Thành LI và chị Phạm Thị Thu Th thì:

Các anh, chị là con ruột của bà L, ông C; số tiền 470.000.000đ do bố mẹ cho vợ chồng ông V, bà M mượn năm 2013 là có và yêu cầu vợ chồng ông V, bà M trả số tiền trên cho bà L.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị H thì:

Do vụ việc xảy ra đã lâu bà không còn nhớ rõ ngày tháng cụ thể nhưng vào năm 2013 bà H trực tiếp đến nhà bà Ph để cân, chở 08 tấn cà phê nhân do ông C gọi bán; cà phê được chở về nhà bà H xong mới tính tiền; giá cà phê là 40.000.000đ/kg, thành tiền là 320.000.000đ; tại thời điểm cân cà phê tại nhà bà Ph và lúc tính tiền tại nhà bà H chỉ có ông C và bà M, không có bà L, ông V. Bà H trực tiếp giao số tiền 320.000.000đ cho bà M và ông C.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Trương Vĩnh V thì:

Trước đây do mâu thuẫn trong việc cha mẹ ông là ông V, bà M không chịu sang tên cho ông thừa đất nông nghiệp tại xã Lộc Nam, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng và bị vợ chồng ông C, bà L hứa nếu ông đứng ra làm chứng cho việc bố mẹ ông có vay tiền của ông C, bà L thì ông C, bà L sẽ cho một số vốn làm ăn. Sau khi bản án sơ thẩm lần đầu buộc bố mẹ ông trả nợ cho vợ chồng ông C, bà L thì ông đã suy nghĩ lại và trình bày đúng sự thật là ông không biết gì về các khoản nợ vay mà bà L khởi kiện, thực tế thì bố mẹ ông không vay vợ chồng bà L bất kỳ khoản vay nào.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Lê Thị Ph thì:

Bà có biết việc ông C, bà L mượn 08 tấn cà phê của bà bán cho bà H để lấy tiền cho ông V, bà M mượn; bà có nghe bà L nói với bà H là giao tiền bán cà phê này cho vợ chồng ông V, bà M.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BL. Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M đối với số tiền 470.000.000đ và lãi phát sinh 329.940.000đ.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27/3/2020, nguyên đơn bà Trương Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BL.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị L là ông Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Bị đơn ông Trương Tiên V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lưu Thị M là ông Phạm Văn Q không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Trương Thị L cho rằng ngày 06/9/2013 ông C (chết ngày 18/5/2018) là chồng bà có cho bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M vay số tiền 320.000.000 đồng. Đến ngày 09/10/2013 tiếp tục cho vợ chồng ông V, bà M vay thêm số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 470.000.000 đồng. Do là chú cháu ruột với nhau nên các lần vay đều không có lập giấy vay tiền và các bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau hẹn đến tháng 12/2013 thì vợ chồng ông V, bà M sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho vợ chồng bà nhưng vợ chồng ông V, bà M vẫn không thực hiện lời hứa. Số tiền vay trên là tài sản chung của bà và ông C nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà M trả số tiền vay gốc 470.000.000 đồng và lãi suất là 329.940.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L với lý do vợ chồng ông bà không có mượn bất kỳ khoản tiền nào của bà L nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định

quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L thì thấy rằng:

Đối với số tiền vay 320.000.000 đồng (bằng cả phê):

Căn cứ vào lời trình bày của bà H tại biên bản xác minh ngày 13/4/2015 (BL 37) và giấy cam kết đề ngày 02/8/2013 (BL 178) thể hiện ngày 02/8/2013 âm lịch bà Ph đem cả phê đến nhà bà bán, lúc đó có vợ chồng ông C bà L, vợ chồng ông V, bà M. Bà H là người trực tiếp đưa tiền mua cả phê 320.000.000 đồng cho vợ chồng ông V, bà M. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H trình bày bà H là người trực tiếp đến nhà bà Ph để cân 08 tấn cả phê và chở cả phê về nhà bà, lúc cân cả phê cũng như lúc tính tiền chỉ có ông C và bà M; bà H trực tiếp đưa số tiền mua cả phê cho bà M và cũng có lúc khai nhận đưa tiền cho ông C, sau đó ông C mang tiền giao cho bà M. Trong khi đó, bà L lại trình bày tại thời điểm mượn cả phê của bà Ph thì bà đang ở ngoài Bắc, việc cân cả phê và đưa tiền bà chỉ nghe ông C chồng bà nói lại. Điều này cho thấy lời trình bày của bà H là mâu thuẫn, không thống nhất, lúc thì khai đưa 320.000.000 đồng cho vợ chồng ông V, bà M; lúc lại khai đưa cho một mình bà M.

Hơn nữa, ngoài lời khai này ra thì không có ai chứng kiến cũng như không có chứng cứ nào để chứng minh việc bà H đưa 320.000.000 đồng cho vợ chồng ông V, bà M hay cho một mình bà M nên không có cơ sở để xem xét có hay không việc vợ chồng bà L có cho vợ chồng ông V, bà M mượn số tiền 320.000.000 đồng như bà L trình bày.

Mặt khác, theo lời trình bày của bà Ph tại biên bản xác minh ngày 13/4/2015 (bút lục số 36) và giấy cam kết bản photocopy ghi ngày 02/8/2013 thể hiện bà Ph có cho vợ chồng ông C, bà L mượn 08 tấn cả phê nhân bán cho bà H để lấy tiền cho vợ chồng ông V, bà M mượn; đồng thời bà Ph có nghe bà L nói với bà H là giao tiền bán cả phê cho vợ chồng ông V, bà M. Lời khai của bà Ph chỉ thể hiện nội dung bà Ph có cho vợ chồng bà L mượn 08 tấn cả phê nhân, bà Ph có nghe bà L nói bà H giao tiền bán cả phê cho vợ chồng ông V, bà M nhưng bản thân bà Ph không chứng kiến được việc bà H có giao tiền bán cả phê cho vợ chồng ông V, bà M hay không.

Bên cạnh đó, theo lời trình bày của ông Trương Vĩnh V thể hiện ông là con ruột của vợ chồng ông V, bà M; trước đây ông có đứng ra làm chứng việc bố mẹ ông có mượn tiền vợ chồng bà L nhưng nay ông không thừa nhận, ông không biết gì về việc vay mượn tiền giữa vợ chồng bà L với vợ chồng ông V, bà M nên cũng không có cơ sở để xem xét có hay không việc vợ chồng bà L có cho vợ chồng ông V, bà M mượn số tiền 320.000.000 đồng như bà L trình bày.

Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng vào ngày 05/9/2013 tức là ngày 09/10/2013 dương lịch vợ chồng ông V, bà M đến

nhà hỏi mượn thêm 150.000.000 đồng. Vì là chú cháu ruột nên không lập giấy tờ gì với nhau. Còn vợ chồng ông V, bà M thì cho rằng vợ chồng ông bà không có vay bất kỳ khoản tiền nào của vợ chồng bà L như bà L trình bày.

Đối với USB mà bà L xuất trình tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng, qua nghe trực tiếp và bà L cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông L cho rằng bản thân bà M có nói với bà L rút đơn khởi kiện thì bà Hứa Hiền Dinh (bà D trú tại Thành phố Hồ Chí Minh) hiện nay bà L đang khởi kiện bà D tại Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà D sẽ trả dần khoản nợ cho bà L chứ nội dung cuộc hội thoại không thể hiện khoản nợ hiện nay đang tranh chấp giữa bà L với vợ chồng ông V, bà M và do bà D là cháu gái ông M và hiện nay bà L cũng đang khởi kiện thì thấy rằng nội dung cuộc hội thoại giữa bà L với bà M mà bà L ghi âm được có liên quan đến khoản nợ của bà D mà bà L khởi kiện bằng một vụ án độc lập tại Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ và phù hợp.

Xét thấy, ngoài những lời khai của các nhân chứng như trên thì bà L không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong khi đó vợ chồng ông V, bà M lại không thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L. Xử:

1- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BL về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trương Thị L với bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thành L, anh Phạm Thành L1, chị Phạm Thị Thu Th; người làm chứng ông Trương Vĩnh V, bà Nguyễn Thị H, Bà Lê Thị Ph.

1.1- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn ông Trương Tiên V, bà Lưu Thị M đối với số tiền 470.000.000 đồng và lãi phát sinh 329.940.000 đồng.

2- Về án phí sơ thẩm:

2.1- Buộc bà Trương Thị L phải chịu 35.997.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007443 ngày 12/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BL. Bà Trương Thị L còn phải nộp thêm số tiền 30.497.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3- Về án phí phúc thẩm:

3.1- Buộc bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019603 ngày 22/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BL.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. BL;
- CCTHADS H. BL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Mạnh Hùng

